

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG ĐIỆN MÊCA VNECO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

NĂM 2010

Đã được kiểm toán

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG ĐIỆN MÊCA VNECO

Địa chỉ: 740C - Nguyễn Kiệm - Phú Nhuận - Tp. Hồ Chí Minh

Tel: 08. 3997 5154

Fax: 08. 3997 5155

Mục lục

Trang

Báo cáo của Giám đốc

1 - 3

Báo cáo kiểm toán

4

Báo cáo tài chính

Bảng cân đối kế toán

5 - 6

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

7

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

8

Thuyết minh Báo cáo tài chính

9 - 20

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng điện MÊCA VNECO trình bày báo cáo này kèm theo Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng điện MÊCA VNECO (sau đây viết tắt là "Công ty") đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010, như sau:

1. Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng điện MÊCA VNECO tiền thân là Công ty Cổ phần điện 3, được thành lập theo Hợp đồng thành lập Công ty Cổ phần Xây lắp điện 3 - Sài Gòn số 01 CP/PCC3-SANNAM-VDIEN/2003 ngày 06/10/2003 giữa Công ty Xây lắp điện 3 (nay là Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam), Công ty TNHH San Nam và Ông Vũ Văn Diện.

Tháng 4 năm 2006 Công ty được đổi tên thành Công ty Cổ phần Kết cấu thép và mạ kẽm MÊCA VNECO.

Tháng 6 năm 2007, Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng điện MÊCA VNECO theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002120 thay đổi lần thứ năm ngày 26/6/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ trên đăng ký kinh doanh của Công ty là: **150.000.000.000** đồng (Một trăm năm mươi tỷ đồng). Cơ cấu vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh của Công ty là:

Tên cổ đông	Số tiền (đồng)	Tỷ lệ (%)
- Tổng Công ty Cổ phần xây dựng điện Việt Nam	98.800.000.000	65,87
- Ông Lê Thạch Túy	20.000.000.000	13,33
- Ông Đỗ Ngọc Tiến	200.000.000	0,13
- Các cổ đông khác	31.005.000.000	20,67

Tại thời điểm 31/12/2010, số vốn điều lệ thực tế đã góp của Công ty là **90.075.000.000** đồng (Chín mươi tỷ không trăm bảy mươi lăm triệu đồng), cơ cấu vốn như sau:

Tên cổ đông	Số tiền (đồng)	Tỷ lệ (%)
- Tổng Công ty Cổ phần xây dựng điện Việt Nam	63.100.000.000	70,05
- Các đối tượng khác	26.975.000.000	29,95

Hình thức sở hữu vốn: Cổ phần.

Công ty có trụ sở chính tại: 740C Nguyễn Kiệm, phường 4, Quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ngành nghề kinh doanh

Ngành, nghề kinh doanh Công ty đã đăng ký và được cấp phép bao gồm:

- Chế tạo cột thép mạ kẽm nhúng nóng, kết cấu thép các loại;
- Xây lắp các công trình đường dây và trạm biến áp đến 500KV, các công trình điện CN - dân dụng;
- Sửa chữa và bảo trì nhà máy điện công nghiệp;
- Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa quốc tế;

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

2. Ngành nghề kinh doanh (tiếp theo)

- Mua bán máy móc, vật tư, thiết bị ngành công - nông nghiệp (trừ thuốc bảo vệ thực vật);
- Dịch vụ chuyển giao công nghệ;
- Xây dựng công trình công nghiệp, dân dụng, giao thông, thủy điện, thủy lợi, cơ sở hạ tầng khu đô thị, khu công nghiệp;
- Mua bán vật tư thiết bị điện, vật liệu xây dựng, thiết bị phương tiện vận tải, xe máy thi công;
- Tư vấn đầu tư;
- Kinh doanh nhà ở, cho thuê văn phòng, kho bãi.

3. Thành phần Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty

Thành phần Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm tài chính 2010 và tới ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Đoàn Đức Hồng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Thành Đồng	Thành viên
Ông Lê Thạch Túy	Thành viên
Ông Lâm Quốc Hải	Thành viên
Ông Đoàn Tuấn Anh	Thành viên

Ban giám đốc

Ông Nguyễn Thành Đồng	Giám đốc	Miễn nhiệm từ ngày 09/10/2010
Ông Lâm Quốc Hải	Giám đốc	Bổ nhiệm từ ngày 09/10/2010
Ông Nguyễn Văn Nhạ	Phó Giám đốc	
Ông Đoàn Tuấn Anh	Kế toán trưởng	

4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Số liệu về tình hình tài chính tại ngày 31/12/2010 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được thể hiện cụ thể tại Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính, được trình bày từ trang 05 đến trang 20 kèm theo.

5. Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 kèm theo được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học thành phố Hồ Chí Minh (AISC).

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

6. Trách nhiệm của Giám đốc

Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2010; kết quả hoạt động kinh doanh cũng như dòng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở Công ty hoạt động liên tục.

Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Giám đốc có trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách hợp lý để phản ánh tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Giám đốc Công ty cam kết đã cung cấp đầy đủ Báo cáo tài chính, sổ kế toán, các chứng từ và tài liệu khác có liên quan cho các Kiểm toán viên của Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học thành phố Hồ Chí Minh (AISC).

Cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính, không có bất kỳ sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 của Công ty mà chưa được thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 02 năm 2011



Lâm Quốc Hải



Số: 100554/BCKT- AISHN

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM
Auditing & Informatic Services Company Limited

Office: 142 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, Thành Phố Hồ Chí Minh
Tel: (84.8) 3930 5163 (10 Lines) Fax: (84.8) 3930 4281
Email: aisc@aisc.com.vn Website: www.aisc.com.vn



BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính năm 2010 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng điện MÊCA VNECO

Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG ĐIỆN MÊCA VNECO

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 được lập ngày 18/02/2011 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng điện MÊCA VNECO (sau đây viết tắt là "Công ty") từ trang 05 đến trang 20 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo này căn cứ vào kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành cuộc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý là Báo cáo tài chính không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, thu thập các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc xem xét, đánh giá tính tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán áp dụng; các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các thông tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những căn cứ hợp lý cho những nhận xét của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng điện MÊCA VNECO tại ngày 31/12/2010, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010, phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2011

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ DỊCH VỤ TIN HỌC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



Giám đốc

Đào Tiến Đạt

Chứng chỉ KTV số: Đ0078/KTV

Kiểm toán viên

Nguyễn Thị Thanh Huế

Chứng chỉ KTV số: 0756/KTV

Branch in Hà Nội: C2 Room, 24 Floor - E9 Lot, VIMECO Building, Phạm Hùng St, Cầu Giấy Dist, Hà Nội

Branch in Đà Nẵng: 36 Hà Huy Tập St, Thanh Khê Dist, Đà Nẵng

Representative in Cần Thơ: 5B, 30/4 St., Ninh Kiều Dist, Cần Thơ City.

Representative in Hải Phòng: 18 Hoàng Văn Thụ St, Hồng Bàng Dist, Hải Phòng

Tel: (04) 3782 0045/46/47 Fax: (04) 3782 0048

Tel: (0511) 371 5619

Tel: (0710) 3813 004

Tel: (031) 3569 577

Fax: (0611) 371 5620

Fax: (0710) 3828 765

Fax: (031) 3569 576

Email: aishn@hn.vnn.vn

Email: aisc@dn.vnn.vn

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2010

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010 đồng	01/01/2010 đồng
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		25.877.134.750	96.904.349.626
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		2.684.381.074	3.565.122.972
1. Tiền	111	V.1	2.684.381.074	3.565.122.972
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		0	0
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		14.228.794.383	43.341.914.271
1. Phải thu khách hàng	131		11.366.463.293	39.746.691.916
2. Trả trước cho người bán	132		4.388.057.470	4.222.067.758
5. Các khoản phải thu khác	135	V.3	5.016.671.067	16.880.222
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(6.542.397.447)	(643.725.625)
IV. Hàng tồn kho	140		1.677.524.731	43.641.486.234
1. Hàng tồn kho	141	V.4	1.677.524.731	43.641.486.234
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		7.286.434.562	6.355.826.149
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		7.286.434.562	6.355.826.149
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		187.149.185.589	182.876.889.415
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		27.101.627	194.575.281
4. Phải thu dài hạn khác	218		27.101.627	194.575.281
II. Tài sản cố định	220		167.262.359.982	161.539.975.833
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	18.028.849.782	18.376.303.759
<i>Nguyên giá</i>	222		19.411.034.765	19.272.274.765
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(1.382.184.983)	(895.971.006)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	58.695.390.000	58.695.390.000
<i>Nguyên giá</i>	228		58.695.390.000	58.695.390.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		0	0
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	90.538.120.200	84.468.282.074
III. Bất động sản đầu tư	240		0	0
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		19.532.320.000	20.500.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		18.000.000.000	18.000.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	1.915.400.000	2.500.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(383.080.000)	0
V. Tài sản dài hạn khác	260		327.403.980	642.338.301
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	327.403.980	642.338.301
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		213.026.320.339	279.781.239.041

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31/12/2010

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010 đồng	01/01/2010 đồng
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		111.727.252.405	172.148.563.174
I. Nợ ngắn hạn	310		111.727.252.405	172.148.563.174
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	14.000.000.000	35.000.000.000
2. Phải trả người bán	312		41.909.246.213	50.533.592.468
3. Người mua trả tiền trước	313		9.364.166.176	57.234.105.162
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	691.742.142	2.210.380.253
5. Phải trả người lao động	315		259.420.901	172.067.443
6. Chi phí phải trả	316	V.17	1.713.745.432	0
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	42.601.529.203	26.835.515.510
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.187.402.338	162.902.338
II. Nợ dài hạn	330		0	0
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		101.299.067.934	107.632.675.867
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	101.299.067.934	107.632.675.867
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		90.075.000.000	90.075.000.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		1.161.453.222	338.453.222
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		976.705.862	153.705.862
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		9.085.908.850	17.065.516.783
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		0	0
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		213.026.320.339	279.781.239.041

CÁC CHỈ TIÊU NGOẠI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010 đồng	01/01/2010 đồng
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			0	26.511.221.068
5. Ngoại tệ các loại				
- EURO			64,84	64,73
- USD			410,15	408,89

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 02 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Đoàn Tuấn Anh

Lâm Quốc Hải

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2010 đồng	Năm 2009 đồng
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	23.112.884.147	45.040.096.549
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.26	0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.27	23.112.884.147	45.040.096.549
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.28	26.639.511.542	37.434.904.971
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(3.526.627.395)	7.605.191.578
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	135.551.534	71.748.931
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	VI.30	484.548.030	4.131.155.031
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		101.468.030	4.131.155.031
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		8.802.699.693	2.335.161.918
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(12.678.323.584)	1.210.623.560
11. Thu nhập khác	31		24.104.575.203	38.583.802.606
12. Chi phí khác	32		16.113.859.552	23.576.183.061
13. Lợi nhuận khác	40		7.990.715.651	15.007.619.545
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(4.687.607.933)	16.218.243.105
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.31	0	1.607.669.143
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(4.687.607.933)	14.610.573.962
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.35	(520,41)	1.622,05

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 02 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Đoàn Tuấn Anh



Lâm Quốc Hải

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp trực tiếp)***Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010**

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2010 đồng	Năm 2009 đồng
I. Lưu chuyển từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	27.781.553.741	72.520.466.197
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(20.827.016.146)	(15.505.923.742)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(2.735.161.758)	(3.539.186.000)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(101.468.030)	(4.102.058.446)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(1.000.000.000)	(487.300.176)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	42.203.128.263	2.751.010.027
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(6.122.638.105)	(7.327.608.508)
Lưu chuyển tiền tệ thuần từ hoạt động kinh doanh	20	39.198.397.965	44.309.399.352
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác	21	(5.158.937.732)	(4.254.985.906)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	79.797.869	71.748.931
Lưu chuyển tiền tệ thuần từ hoạt động đầu tư	30	(5.079.139.863)	(4.183.236.975)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	0	3.536.103.179
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(35.000.000.000)	(43.806.828.664)
Lưu chuyển tiền tệ thuần từ hoạt động tài chính	40	(35.000.000.000)	(40.270.725.485)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(880.741.898)	(144.563.108)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	3.565.122.972	3.709.686.080
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	0	0
Tiền và tương đương tiền tồn cuối kỳ	70	2.684.381.074	3.565.122.972

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 02 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





Đoàn Tuấn Anh

Lâm Quốc Hải

Thuyết minh Báo cáo tài chính

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

I- ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng điện MÊCA VNECO tiền thân là Công ty Cổ phần điện 3, được thành lập theo Hợp đồng thành lập Công ty Cổ phần Xây lắp điện 3 - Sài Gòn số 01 CP/PCC3-SANNAM-VDIEN/2003 ngày 06/10/2003 giữa Công ty Xây lắp điện 3 (nay là Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam), Công ty TNHH San Nam và Ông Vũ Văn Diện.

Tháng 4 năm 2006 Công ty được đổi tên thành Công ty Cổ phần Kết cấu thép và mạ kẽm MÊCA VNECO.

Tháng 6 năm 2007, Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng điện MÊCA VNECO theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002120 thay đổi lần thứ năm ngày 26/6/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Công ty có trụ sở chính tại: 740C Nguyễn Kiệm, phường 4, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ trên đăng ký kinh doanh của Công ty là: 150.000.000.000 đồng (Một trăm năm mươi tỷ đồng).

Cơ cấu vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh của Công ty là:

Tên cổ đông	Số tiền (đồng)	Tỷ lệ (%)
- Tổng Công ty Cổ phần xây dựng điện Việt Nam	98.800.000.000	65,87
- Ông Lê Thạch Túy	20.000.000.000	13,33
- Ông Đỗ Ngọc Tiến	200.000.000	0,13
- Các cổ đông khác	31.005.000.000	20,67

Tại thời điểm 31/12/2010, số vốn điều lệ thực tế đã góp của Công ty là 90.075.000.000 đồng, cơ cấu như sau:

Tên cổ đông	Số tiền (đồng)	Tỷ lệ (%)
- Tổng Công ty Cổ phần xây dựng điện Việt Nam	63.100.000.000	70,05
- Các đối tượng khác	26.975.000.000	29,95

1- Hình thức sở hữu vốn

Hình thức sở hữu vốn: Cổ phần.

2- Lĩnh vực kinh doanh chính

Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 bao gồm: Chế tạo cột thép mạ kẽm nhúng nóng, xây lắp các công trình đường dây và trạm biến áp đến 500KV, các công trình điện công nghiệp, xây dựng công trình công nghiệp, dân dụng, kinh doanh du lịch, khách sạn.

3- Ngành nghề kinh doanh

Ngành, nghề kinh doanh Công ty đã đăng ký và được cấp phép bao gồm:

- Chế tạo cột thép mạ kẽm nhúng nóng, kết cấu thép các loại;

Thuyết minh Báo cáo tài chính

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Xây lắp các công trình đường dây và trạm biến áp đến 500KV, các công trình điện công nghiệp - dân dụng;
- Sửa chữa và bảo trì nhà máy điện công nghiệp;
- Kinh doanh du lịch lưu hành nội địa quốc tế;
- Mua bán máy móc, vật tư, thiết bị ngành công - nông nghiệp (trừ thuốc bảo vệ thực vật);
- Dịch vụ chuyển giao công nghệ;
- Xây dựng công trình công nghiệp, dân dụng, giao thông, thủy điện, thủy lợi, cơ sở hạ tầng khu đô thị, khu công nghiệp;
- Mua bán vật tư thiết bị điện, vật liệu xây dựng, thiết bị phương tiện vận tải, xe máy thi công;
- Tư vấn đầu tư;
- Kinh doanh nhà ở, cho thuê văn phòng, kho bãi.

II- KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1- Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm theo năm dương lịch của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng để ghi sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (đồng).

III- CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1- Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty thực hiện công tác kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

2- Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

3- Hình thức kế toán áp dụng

Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán trên máy vi tính.

Thuyết minh Báo cáo tài chính

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

IV- CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Các khoản tiền được ghi nhận trong Báo cáo tài chính gồm: Tiền mặt, tiền gửi thanh toán tại các Ngân hàng, đảm bảo đã được kiểm kê, có xác nhận số dư của các Ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng Việt Nam: Các nghiệp vụ phát sinh không phải là đồng Việt Nam (ngoại tệ) được chuyển đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh. Số dư tiền và các khoản công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá mua bán thực tế bình quân liên ngân hàng thương mại do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

2- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Phản ánh và ghi chép theo nguyên tắc giá gốc;

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Bình quân gia quyền;

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho.

3- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ: TSCĐ được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế theo nguyên tắc giá gốc.

Phương pháp khấu hao tài sản cố định: TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, tỷ lệ khấu hao phù hợp với Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ban hành kèm theo Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính.

6- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay: Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán số 16 - Chi phí đi vay.

7- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác

Chi phí trả trước: Chi phí trả trước được vốn hóa để phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh bao gồm: chi phí trả trước phục vụ cho hoạt động kinh doanh của nhiều năm tài chính; công cụ, dụng cụ xuất dùng một

Thuyết minh Báo cáo tài chính

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

lần với giá trị lớn và bản thân công cụ, dụng cụ tham gia vào hoạt động kinh doanh trên một năm tài chính phải phân bổ dần vào các đối tượng chịu chi phí trong nhiều năm.

10- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn điều lệ được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông của Công ty.

Việc tăng giảm vốn điều lệ và phân phối lợi nhuận được thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phù hợp với Điều lệ hoạt động của Công ty.

11- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu hoạt động xây lắp được ghi nhận theo khối lượng xây lắp hoàn thành được nghiệm thu giữa Công ty và khách hàng, được khách hàng chấp nhận thanh toán và đã phát hành hóa đơn tài chính theo quy định

Doanh thu bán hàng: được ghi nhận theo nguyên tắc kế toán dồn tích, tuân thủ đầy đủ 05 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán số 14 "Doanh thu và thu nhập khác". Các khoản nhận trước của khách hàng không ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

Doanh thu cung cấp dịch vụ (gia công): được ghi nhận tuân thủ đầy đủ 04 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán số 14 "Doanh thu và thu nhập khác". Phần công việc đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá phần công việc đã hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính: tuân thủ 2 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán số 14 "Doanh thu và thu nhập khác"

12- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là chi phí lãi tiền vay được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

13- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Theo Thông tư 130/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Công ty được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2008 đến năm 2012 cho hoạt động kinh doanh lĩnh vực truyền tải điện.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

15- Nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Thuế Giá trị gia tăng: Công ty thực hiện hạch toán và kê khai thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

Hoạt động xây lắp và khách sạn đều chịu thuế suất thuế GTGT là 10%.

Thuyết minh Báo cáo tài chính

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

V- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền**

	31/12/2010 đồng	01/01/2010 đồng
Tiền mặt tại quỹ	73.481.848	815.101.962
Tiền gửi ngân hàng (*)	2.610.899.226	2.750.021.010
Cộng	2.684.381.074	3.565.122.972

(*) Chi tiết tiền gửi ngân hàng

	Ngoại tệ	31/12/2010 đồng	Ngoại tệ	01/01/2010 đồng
Tiền gửi VND		2.601.139.649		2.740.707.648
NH NN & PTNT - CN Mạc Thị Bưởi		849.399.222		2.056.001.513
NH NN & PTNT - CN 9 - TP.HCM		1.823.899		8.282.800
NH Đầu tư và Phát triển - Sở giao dịch II		447.283.425		127.062.054
NH TMCP Đại Tín - CN Sài Gòn		322.894.290		335.888.713
NH TMCP Ngoại thương - CN Phú Mỹ Hưng		941.550.789		213.472.568
Cty Chứng khoán NH Ngoại thương Việt Nam		38.188.024		0
Tiền gửi ngoại tệ		9.759.577		9.313.362
Tiền gửi USD	410,15	7.985.620	408,89	7.555.878
NH Đầu tư và phát triển - Sở giao dịch II	207,45	4.039.051	206,71	3.829.218
NH NN & PTNT - CN Mạc Thị Bưởi	202,70	3.946.569	202,18	3.726.660
Tiền gửi EURO	64,84	1.773.957	64,73	1.757.484
NH Đầu tư và phát triển - Sở giao dịch II	64,84	1.773.957	64,73	1.757.484
Tổng cộng		2.610.899.226		2.750.021.010

3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2010 đồng	01/01/2010 đồng
Phải thu Công ty TNHH Hải Vân Sơn tiền lãi vay ngân hàng MÊCA trả hộ (*)	3.998.180.001	0
Phải thu khác Công ty TNHH Hải Vân Sơn (*)	1.000.000.000	0
Ông Võ Văn Khởi	10.159.500	10.159.500
Kinh phí công đoàn	2.561.271	950.427
Phải thu khác	5.770.295	5.770.295
Cộng	5.016.671.067	16.880.222

(*): Ngày 24/12/2008, Công ty TNHH Hải Vân Sơn ký hợp đồng mua Khách sạn Xanh Sài Gòn tại địa chỉ số 740C đường Nguyễn Kiệm, phường 4, quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh của Công ty CP Đầu tư và Xây dựng điện MÊCA VNECO với giá trị chuyển nhượng là **21.700.000.000** đồng. MÊCA thế chấp khách sạn

Thuyết minh Báo cáo tài chính

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Xanh Sài Gòn (chưa làm thủ tục sang tên cho Hải Vân Sơn do đang trong quá trình thanh toán) bảo lãnh cho Hải Vân Sơn vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh 9 Tp. Hồ Chí Minh số tiền **14.000.000.000** đồng, Hải Vân Sơn sau khi nhận tiền vay đã chuyển cho MÊCA **13.000.000.000** đồng. Tới thời điểm trả nợ gốc và lãi vay cho ngân hàng thì Hải Vân Sơn bị mất khả năng thanh toán, Giám đốc Công ty TNHH Hải Vân Sơn đề nghị Ngân hàng thực hiện xử lý tài sản thế chấp, tuy nhiên tài sản này vẫn thuộc MÊCA nên Ngân hàng đã yêu cầu MÊCA phải trả nợ thay Hải Vân Sơn theo quy định của Hợp đồng thế chấp bảo lãnh đã ký kết và Công ty đã thực hiện theo yêu cầu đó.

4. Hàng tồn kho

	31/12/2010 đồng	01/01/2010 đồng
Nguyên liệu, vật liệu	43.779.299	26.174.602.767
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.633.745.432	17.466.883.467
Cộng	1.677.524.731	43.641.486.234

8. Tình hình tăng; giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: đồng

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ				
Tại 01/01/2010	18.515.338.724	522.704.248	234.231.793	19.272.274.765
Tăng do mua sắm	0	150.718.000	0	150.718.000
Giảm khác	0	(11.958.000)	0	(11.958.000)
Tại 31/12/2010	18.515.338.724	661.464.248	234.231.793	19.411.034.765
Hao mòn lũy kế				
Tại 01/01/2010	771.676.637	77.061.641	47.232.728	895.971.006
Khấu hao trong năm	411.451.972	48.631.626	26.379.504	486.463.102
Giảm khác	0	(249.125)	0	(249.125)
Tại 31/12/2010	1.183.128.609	125.444.142	73.612.232	1.382.184.983
Giá trị còn lại				
Tại 01/01/2010	17.743.662.087	445.642.607	186.999.065	18.376.303.759
Tại 31/12/2010	17.332.210.115	536.020.106	160.619.561	18.028.849.782

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 0 đồng.

- Nguyên giá TSCĐ đang dùng để cầm cố, thế chấp vay là 18.028.849.782 đồng.

Thuyết minh Báo cáo tài chính

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

10. Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: đồng

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	TSCĐ vô hình khác	Cộng
Nguyên giá TSCĐ			
Tại 01/01/2010	58.695.390.000	0	58.695.390.000
Tại 31/12/2010	58.695.390.000	0	58.695.390.000
Hao mòn lũy kế			
Tại 01/01/2010	0	0	0
Tại 31/12/2010	0	0	0
Giá trị còn lại			
Tại 01/01/2010	58.695.390.000	0	58.695.390.000
Tại 31/12/2010	58.695.390.000	0	58.695.390.000

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2010 đồng	01/01/2010 đồng
Dự án 277 Bến Bình Đông	90.538.120.200	84.468.282.074
Cộng	90.538.120.200	84.468.282.074

Đây là dự án căn hộ cao cấp tại 277 Bến Bình Đông, Phường 14, Quận 8, Tp. Hồ Chí Minh. Dự án có tổng mức đầu tư là **498.000.000.000** đồng xây dựng trên diện tích đất **5.465,4** m² bao gồm 01 tầng hầm để xe, khối đế 2 tầng thương mại, dịch vụ và khối căn hộ 23 tầng. Hiện nay dự án mới trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư, chưa được cấp giấy phép xây dựng.

13. Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2010 đồng	01/01/2010 đồng
Công ty Cổ phần Sông Ba	1.915.400.000	2.500.000.000
Cộng	1.915.400.000	2.500.000.000

14. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2010 đồng	01/01/2010 đồng
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	327.403.980	642.338.301
Cộng	327.403.980	642.338.301

15. Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2010 đồng	01/01/2010 đồng
NH Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch II	0	35.000.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	14.000.000.000	0
NH Nông nghiệp và PTNT - Chi nhánh 9, Tp.HCM	14.000.000.000	0
Cộng	14.000.000.000	35.000.000.000

Thuyết minh Báo cáo tài chính

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2010 đồng	01/01/2010 đồng
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	78.302.704	596.940.815
Thuế thu nhập doanh nghiệp	607.669.143	1.607.669.143
Thuế thu nhập cá nhân	5.770.295	5.770.295
Cộng	691.742.142	2.210.380.253

17. Chi phí phải trả

	31/12/2010 đồng	01/01/2010 đồng
Lãi vay phải trả	80.000.000	0
Trích trước chi phí công trình	1.633.745.432	0
Cộng	1.713.745.432	0

18. Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2010 đồng	01/01/2010 đồng
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	24.706.151	64.736.750
Phải trả Tổng Công ty CP xây dựng điện Việt Nam (*)	41.752.095.581	19.609.131.156
Nhận ký cược, ký quỹ dài hạn	8.000.000	9.000.000
Các khoản phải trả khác	816.727.471	7.152.647.604
Cộng	42.601.529.203	26.835.515.510

(*): Đây là khoản tiền mà Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam cho vay để trả nợ ngân hàng và tăng vốn lưu động.

22. Nguồn vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của CSH	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	90.075.000.000	185.453.222	705.862	3.057.942.821	93.319.101.905
Lãi trong năm trước	0	0	0	14.610.573.962	14.610.573.962
Tăng khác	0	153.000.000	153.000.000	0	306.000.000
Giảm khác	0	0	0	(603.000.000)	(603.000.000)
Số dư cuối năm trước, số dư đầu năm nay	90.075.000.000	338.453.222	153.705.862	17.065.516.783	107.632.675.867
Tăng khác	0	823.000.000	823.000.000	0	1.646.000.000
Giảm khác (*)	0	0	0	(3.292.000.000)	(3.292.000.000)
Lỗ trong năm nay	0	0	0	(4.687.607.933)	(4.687.607.933)
Số dư cuối năm nay	90.075.000.000	1.161.453.222	976.705.862	9.085.908.850	101.299.067.934

(*): Phân phối lợi nhuận năm 2009 theo Nghị quyết số 01/2010 NQ/MECA-ĐHĐCĐ ngày 21/6/2010 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Điện MÊCA VNECO.

Thuyết minh Báo cáo tài chính

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2010 đồng	01/01/2010 đồng
Vốn góp của Tổng Công ty CP Xây dựng điện Việt Nam	63.100.000.000	63.100.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	26.975.000.000	26.975.000.000
Cộng	90.075.000.000	90.075.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức lợi nhuận được chia

	Năm 2010 đồng	Năm 2009 đồng
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	90.075.000.000	90.075.000.000
+ Vốn góp đầu năm	90.075.000.000	90.075.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	0	0
+ Vốn góp giảm trong năm	0	0
+ Vốn góp cuối năm	90.075.000.000	90.075.000.000

đ. Cổ phiếu

	31/12/2010 đồng	01/01/2010 đồng
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.000.000	15.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.007.500	9.007.500
+ Cổ phiếu phổ thông	9.007.500	9.007.500
+ Cổ phiếu ưu đãi	0	0
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.007.500	9.007.500
+ Cổ phiếu phổ thông	9.007.500	9.007.500
+ Cổ phiếu ưu đãi	0	0

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng.

e. Các quỹ của doanh nghiệp:

	31/12/2010 đồng	01/01/2010 đồng
Quỹ đầu tư phát triển	1.161.453.222	338.453.222
Quỹ dự phòng tài chính	976.705.862	153.705.862

Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp:

- Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.
- Quỹ dự phòng tài chính dùng để bù đắp phần còn lại của những tổn thất, thiệt hại đã xảy ra trong quá trình kinh doanh sau khi đã được bồi thường của các tổ chức, cá nhân gây ra các tổn thất và của các tổ chức Bảo hiểm.

Thuyết minh Báo cáo tài chính

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

VI- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**25. Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2010 đồng	Năm 2009 đồng
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.112.884.147	45.040.096.549
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng	0	4.373.366.062
Doanh thu xây lắp	21.106.551.874	38.112.796.002
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.006.332.273	2.553.934.485

28. Giá vốn hàng bán

	Năm 2010 đồng	Năm 2009 đồng
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán	0	34.233.948.203
Giá vốn xây lắp	24.058.860.955	3.313.816.413
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	2.580.650.587	2.721.605.399
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	0	(2.834.465.044)
Cộng	26.639.511.542	37.434.904.971

29. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2010 đồng	Năm 2009 đồng
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	80.437.534	71.748.931
Lãi kinh doanh chứng khoán	55.114.000	0
Cộng	135.551.534	71.748.931

30. Chi phí tài chính

	Năm 2010 đồng	Năm 2009 đồng
Lãi tiền vay	101.468.030	4.131.155.031
Dự phòng giảm giá chứng khoán	383.080.000	0
Cộng	484.548.030	4.131.155.031

33. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2010 đồng	Năm 2009 đồng
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	17.404.112.792	27.592.584.209
Chi phí nhân công	2.293.005.856	3.751.136.327
Chi phí khấu hao tài sản cố định	486.213.977	3.682.081.490
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.504.855.963	462.476.367
Chi phí khác bằng tiền	8.242.584.643	1.147.061.068
Cộng	29.930.773.231	36.635.339.461

Thuyết minh Báo cáo tài chính

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

35. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2010 đồng	Năm 2009 đồng
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(4.687.607.933)	14.610.573.962
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	9.007.500	9.007.500
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(520,41)	1.622,05

VIII- NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**2- Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán làm ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010.

3- Thông tin về bên liên quan

Các bên liên quan bao gồm:

- **Giao dịch với Công ty mẹ:** Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam (VNECO) là Công ty mẹ có cổ phần chi phối chiếm 65,87% vốn điều lệ đã đăng ký của Công ty; chiếm 70,05% vốn điều lệ thực góp của Công ty tính đến ngày 31/12/2010. Trụ sở chính của Công ty mẹ đặt tại số 234 Nguyễn Văn Linh - Thanh Khê - Đà Nẵng.

Các giao dịch chủ yếu của Công ty với Công ty mẹ trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 bao gồm:

- Nhận vật tư (sắt, thép, bulông, kẽm thỏi...) phục vụ các hoạt động gia công cột thép, xây lắp đường dây theo các hợp đồng kinh tế đã ký giữa Công ty mẹ và Công ty;
- Nhận vốn vay từ Công ty mẹ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty; nhận vốn bằng tiền do Công ty mẹ cấp (ứng vốn) để thực hiện các hợp đồng kinh tế ký giữa Công ty mẹ và Công ty đồng thời quyết toán khối lượng xây lắp, gia công hoàn thành và thanh toán công nợ với Công ty mẹ;
- Chia và trả cổ tức Công ty mẹ được hưởng theo tỷ lệ vốn góp.

Công nợ phải trả của Công ty tại ngày 31/12/2010 với Tổng Công ty CP Xây dựng Điện Việt Nam (VNECO):

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung	01/01/2010 đồng	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	31/12/2010 đồng
Tổng VNECO trả tiền trước cho MÊCA thi công công trình điện					
1	Vốn ứng trước thi công	15.733.513.550	16.838.214.465	28.740.530.292	3.831.197.723
MÊCA phải trả Tổng VNECO do mua vật tư					
1	Vật tư MÊCA giữ hộ	26.511.221.068	3.459.500	3.459.500	26.511.221.068
2	MÊCA mua vật tư của tổng VNECO	10.961.466.875	0	0	10.961.466.875
MÊCA phải trả khác VNECO					
1	MÊCA phải trả Tổng VNECO tiền sửa chữa công trình, tiền vay mượn tạm thời	3.348.273.674	27.410.000	2.859.819.260	515.864.414
2	MÊCA phải trả Tổng VNECO tiền thu xếp tín dụng	0	41.402.666.667	0	41.402.666.667
MÊCA phải thu khác VNECO					
1	Tổng VNECO phải trả tiền MÊCA chi hộ kinh phí đền bù	14.408.000	543.889.150	391.861.650	166.435.500

Thuyết minh Báo cáo tài chính

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Giao dịch với các Công ty liên kết của Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam:

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	01/01/2010 đồng	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	31/12/2010 đồng
Phải thu khách hàng				
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 7 - Gia công mạ kẽm	680.478.068	0	680.478.068	0
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 11 - Tiền phòng khách sạn	4.895.000	0	4.895.000	0
Trả trước cho người bán				
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 11 - Tạm ứng tiền thi công công trình Khu căn hộ cao cấp VNECO - Bến Bình Đông	2.887.327.550	131.232.917	126.348.714	2.892.211.753

- Năm 2009, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Điện MÊCA VNECO góp vốn liên doanh **18.000.000.000** đồng chiếm tỷ lệ 20% vốn điều lệ để thành lập Công ty Cổ phần Kết cấu thép Thành Long Vi Ne Co có trụ sở tại Lô B1, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

Giao dịch chủ yếu với Công ty Cổ phần Kết cấu thép Thành Long Vi Ne Co trong kỳ kế toán là: Mua vật tư phục vụ gia công cột, móng thép và xây lắp đường dây:

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	01/01/2010 đồng	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	31/12/2010 đồng
Công nợ MÊCA phải trả do mua thép, kẽm, bu lông, vật liệu phụ của Thành Long	9.424.730.640	869.881.591	19.276.083.497	(8.981.471.266)
MÊCA ứng trước tiền cho Thành Long gia công móng thép	25.805.582	12.414.101	38.219.683	0

5- Thông tin so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 01/01/2010 được lấy từ Báo cáo tài chính năm 2009 của Công ty đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học thành phố Hồ Chí Minh.

7- Thông tin khác

Trong năm tài chính 2010, Công ty Cổ phần Thành Long có ký hợp đồng với Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng điện MÊCA VNECO về việc mua lại **1.800.000** cổ phần (mệnh giá **10.000** đồng/cổ phần) của MÊCA tại liên doanh Công ty Cổ phần Kết cấu thép Thành Long Vi Ne Co với đơn giá chuyển nhượng là **8.500** đồng/cổ phần. Cho tới thời điểm 31/12/2010 Công ty Cổ phần Thành Long đã thực hiện chuyển tiền cho MÊCA tổng số tiền **3.000.000.000** đồng, tuy nhiên các thủ tục về việc chuyển nhượng chưa được thực hiện.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 02 năm 2011

Người lập biểu



Kế toán trưởng



Đoàn Tuấn Anh

Giám đốc



Lâm Quốc Hải